

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2022/DS-ST**

Ngày: 08-9-2022

V/v: “*Tranh chấp*

Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trọng Hiếu

2. Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022, về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng X

Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà A – 111 A Pt, phường BN, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Chế Hoài N. Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà P, số 26, UVK, phường Z, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh (*Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2022*).

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Hoàng S, sinh năm 1988 và bà Bùi Thị Kim N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số B1/002, ấp NH, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Ngân hàng X do ông Lê Chế Hoài N trình bày:

Vào ngày 22/12/2017, Ngân hàng X có cho bà Bùi Thị Kim N và ông Vũ Hoàng S vay số tiền 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) tại Hợp đồng tín dụng số 1303.17.805.HDTD ngày 22/12/2017. Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe oto nhãn hiệu HYUNDAI HD270;

Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 24/12/2017 đến ngày 23/12/2024; lãi suất giải ngân là 7.99%, lãi 360 ngày là 8.10%/năm, mỗi tháng trả 18.233.000 đồng. Tính đến ngày 18/8/2022, ông S và bà N đã trả được 1.639.920.748 đồng, trong đó nợ gốc 1.181.110.000 đồng, lãi trong hạn 458.810.748 đồng. Nhưng sau đó ông S, bà N không trả nợ nữa.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay chi tiết như sau: 01 xe HYUNDAI, Biển số kiểm soát 60C-397.32, số khung KMCB18CPFC086291, số D6ACFJ293356. Được Công an tỉnh Đồng Nai cấp Giấy đăng ký ngày 18/12/2017 cho ông Vũ Hoàng S theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1303.17.805.HĐTC ngày 22 tháng 12 năm 2017, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/12/2022.

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu buộc ông Vũ Hoàng S, bà Bùi Thị Kim N phải trả số tiền 813.243.011 đồng (*Tám trăm mười ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười một đồng*), trong đó, nợ gốc 774.890.000 đồng; Nợ lãi 35.519.262 đồng; Lãi quá hạn 2.833.749 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông S, bà N đã trả được thêm số tiền nợ gốc là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) do vậy đến ngày 04/7/2022, Ngân hàng X nộp đơn rút một phần đơn khởi. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S và bà N phải trả số tiền 523.720.696 đồng, trong đó nợ gốc 368.890.000 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 08/9/2022 là 154.830.696 đồng. Nguyên đơn đề nghị làm tròn là 523.721.000 đồng (*Năm trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi mốt ngàn đồng*). Trong đó nợ gốc là 368.890.000 đồng, nợ lãi là 154.831.000 đồng.

Tại bản tự khai bị đơn ông Vũ Hoàng S trình bày:

Ông S thừa nhận vào ngày 22/12/2017 có ký vay tiền số tiền 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) của Ngân hàng X tại Hợp đồng tín dụng số 1303.17.805.HDTD mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI HD270; Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 24/12/2017 đến ngày 23/12/2024; lãi suất giải ngân là 7.99%, lãi 360 ngày là 8.10%/năm, mỗi tháng trả 18.233.000 đồng. Quá trình vay ông S, bà N đã trả được 1.233.920.748 đồng, trong đó nợ gốc 775.110.000 đồng, lãi 458.810.748 đồng. Nhưng sau đó vì làm ăn khó khăn nên không trả được nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay chi tiết như sau: 01 xe HYUNDAI, biển số kiểm soát 60C-397.32, số khung KMCB18CPFC086291, số D6ACFJ293356. Được Công an tỉnh Đồng Nai cấp Giấy đăng ký ngày 18/12/2017 cho ông Vũ Hoàng S. Tại đơn khởi kiện Ngân hàng X yêu cầu ông S và bà N phải trả cho số tiền 813.243.011 đồng (*Tám trăm mười ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười một đồng*), trong đó, nợ gốc 774.890.000 đồng; Nợ lãi 35.519.262 đồng; Lãi quá hạn 2.833.749 đồng thì ông S đồng ý trả nợ cho ngân hàng. Sau khi làm việc tại tòa án, ông S, bà N đã trả được thêm cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*), hiện còn nợ số tiền gốc là 368.890.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Bùi Thị Kim N đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Bùi Thị Kim N vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

*** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn bà Bùi Thị Kim N không chấp hành đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn là ông Vũ Hoàng S và bà Bùi Thị Kim N phải trả cho Ngân hàng X số tiền là 368.890.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu ông Vũ Hoàng S, bà Bùi Thị Kim N trả lại số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 1303.17.805.HDTD ngày 22/12/2017 mà các bên đã ký nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, Ngân hàng X là nguyên đơn; ông Vũ Hoàng S, bà Bùi Thị Kim N là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà ông Vũ Hoàng S, bà Bùi Thị Kim N có đăng ký hộ khẩu và cư trú tại số B1/002, ấp NH, xã QT, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất .

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng ông S chỉ lên tòa làm việc một lần còn bà N vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy: Mặc dù Tòa án không làm việc được với bà N, tuy nhiên tại bản tự khai ông Vũ Hoàng S đã thừa nhận ông S và vợ là Bùi Thị Kim N có vay tiền của Ngân hàng X theo Hợp đồng tín dụng số 1303.17.805.HDTD ngày 22/12/2017 với số tiền 1.550.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất tại thời điểm vay là 7.99%/ năm. Sau khi vay vốn, ông S và bà N đã thanh toán được số tiền 1.233.920.748 đồng trong đó nợ gốc là 775.110.000 đồng và tiền nợ lãi là 458.810.748 đồng nhưng do gặp khó khăn nên

vợ chồng ông S đã không thanh toán cho ngân hàng nữa. Do vậy, căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 1303.17.805.HDTD ngày 22/12/2017 và thừa nhận của ông S đã có căn cứ xác định ông S, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, ông S đã thừa nhận và đồng ý trả số tiền còn thiếu nợ nên ghi nhận. Tòa án cũng đã niêm yết chứng cứ khởi kiện và các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng bà N vẫn không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt, do vậy nên xem như bà N đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, sau khi làm việc với tòa án và thừa nhận nợ thì đến ngày 04/7/2022 ông S, bà N tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 380.000.000 đồng (có biên nhận). Tại đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 04/7/2022 Ngân hàng X đề nghị rút yêu cầu khởi kiện buộc ông S, bà N phải trả số tiền gốc 380.000.000 đồng. Việc rút đơn này là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện trên.

Từ sự nhận định trên, căn cứ vào các Điều 280, 361, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

[5] Về án phí DSST: Ông Vũ Hoàng S, bà Bùi Thị Kim N phải chịu án phí theo quy định; Ngân hàng X được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 39, Điều 203, Điều 207, Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X. Buộc ông Vũ Hoàng S, bà Bùi Thị Kim N phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng X số tiền 523.721.000 đồng (*Năm trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi một ngàn đồng*). Trong đó nợ gốc là 368.890.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 08/9/2022 là 154.831.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất

mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa Án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X đối với yêu cầu buộc ông Vũ Hoàng S, bà Bùi Thị Kim N phải trả số tiền 380.000.000đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*).

2. Về án phí: Ông Vũ Hoàng S, bà Bùi Thị Kim N phải chịu 24.949.000đồng (*Hai mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng X được nhận lại số tiền 18.199.000đồng (*Mười tám triệu, một trăm chín mươi chín nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0003538 ngày 23/02/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng X được kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Ông S, bà N được kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Xuân